TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-ST
Ngày 25 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 384/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn C, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Anh Hồ Hoàng Th, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (theo Giấy ủy quyền ngày 24/01/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Ông Trần Hoàng H là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Tạ Ngọc B, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Ngô Văn O, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Ngô Chí L, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp Tấn Ngọc Đ, xã Ngọc Ch, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Anh Bùi Quốc H; cư trú tại: Ấp 3, xã Suối D, thị trấn Tân Ch, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Ông Trần Hoàng H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn C trình bày:*

Vào năm 2017, bà B, ông O và anh L lần lượt có ký tên vào các bản cam kết huy động vốn ngày 13/4/2017 và ngày 30/4/2017, cụ thể ngày 13/4/2017 có nhận từ ông C số tiền là 150.000.000 đồng và ngày 30/4/2017 có nhận từ ông C số tiền là 150.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận hàng tháng là 15%/tháng/150.000.000 đồng. Quá trình góp vốn ông C có nhận được khoản 4 - 5 lần lãi với số tiền khoản 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Việc chuyển lãi có khi ông H chuyển, có khi ông H nhờ anh L và bà B chuyển.

Ông C có đến tham quan công việc của ông H, ông H là người bà B góp vốn làm ăn cùng, số vốn của ông cũng được góp vào với ông H để hưởng lợi nhuận. Quá trình góp vốn ông C không được thanh toán lãi đầy đủ nên ông C có đặt vấn đề với bà B xin rút vốn, bà B hứa sẽ hoàn vốn vào ngày 16/7/2017 cho ông C nhưng không thực hiện.

Bà B và ông O thừa nhận có ký tên vào các bản cam kết, bà Biết cũng thừa nhận có nhận từ ông C 300.000.000 đồng. Do đó, ông C yêu cầu bà B và ông O cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn 300.000.000 đồng và số tiền lãi được tính là 10%/năm/300.000.000 đồng tính từ ngày 25/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 147.500.000 đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của ông C anh Hồ Hoàng Th trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến bổ sung.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tạ Ngọc B trình bày:*

Vào các ngày 13/4/2017 và ngày 30/4/2017 giữa bà, chồng bà là ông O và con bà là anh L với ông C có ký tên vào bản cam kết về việc nhận tiền huy động vốn. Nội dung bản cam kết là bà nhận tiền huy động vốn từ ông C, mỗi bảng cam kết thể hiện có nhận số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất là 15%/tháng/150.000.000 đồng, cũng theo bản cam kết hằng tháng vợ chồng bà trả lãi cho ông C. Tuy nhiên, thực tế bà có nhận tiền từ ông C nhiều lần, chỉ nhớ lần đầu là 30.000.000 đồng, các lần sau không nhớ cụ thể từng lần bao nhiêu nhưng có nhận tổng cộng của ông C là 300.000.000 đồng, sở dĩ bà với ông O và anh L ký tên vào bản cam kết là do ông C có mong muốn hùn vốn làm ăn với ông Bùi Quốc H, chưa gặp được ông H nên trước mắt nhờ vợ chồng bà ký để làm tin, khi nào ông C gặp ông H sẽ làm lại hợp đồng.

Ông H là người làm kỹ thuật phân bón, tư vấn và bán phân cho nhà vườn. ông H cần vốn để làm ăn nên huy động vốn, trong số đó có vợ chồng bà. Thấy ông H kinh doanh phát triển nên có lần về thăm quê, ông C hỏi thăm việc làm ăn của bà thì bà nói hiện đang làm ăn với ông H công việc như trên, ông C mới đặt vấn đề gửi tiền cho vợ chồng bà để đưa cho ông H, hàng tháng ông H trả lãi cho ông C. Sau khi ông C và ông H gặp nhau và tiếp tục làm chung khoảng 6 tháng thì ông C về quê, khi ông C về quê thì ông H thanh toán lãi không đầy đủ, ông C đòi đi kiện vợ chồng bà. Bà có yêu cầu ông C và ông H gặp bà để 3 bên làm lại hợp đồng thể hiện bà nhận tiền hùn vốn từ ông C, đã giao tiền lại cho ông H, các bên cùng ký tên vào biên bản ngày 30/12/2017 (biên bản này ông C giữ và cho rằng đã thất lạc). Bà có yêu cầu ông C hủy bỏ các cam kết trước đây nhưng ông C không hủy bỏ. Hay tin ông H làm ăn thua lỗ bỏ trốn nên ông C sử dụng các bản cam kết cũ để khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền trên.

Bà xác định vợ chồng bà không có hưởng lợi gì trong giao dịch này. Từ khi nhận tiền dùm từ ông C gửi lại cho ông H thì hàng tháng ông H gửi tiền lãi cho ông C qua tài khoản chứ vợ chồng bà không có trả lãi cho ông C. Qua yêu cầu của ông C bà không đồng ý.

** Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn O trình bày:* Ông có ký tên vào các bản cam kết nhận tiền huy động vốn nhưng do ông C và bà B yêu cầu ông ký vào để làm tin chứ việc ông C gửi tiền cho bà B để làm ăn với ông H ông không biết. Ông không nhận tiền cũng không có hưởng lợi gì trong giao dịch này nên qua yêu cầu của ông C ông không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Chí L trình bày:* Ông C có kêu anh ký tên vào 02 bản cam kết, mẹ anh là bà B cũng kêu ký tên vào mục đích là để làm tin do anh đang sống chung nhà chứ anh không có nhận tiền của ông C. Anh biết việc thỏa thuận hùn vốn giữa ông C với ông H. Ngày 30/12/2017 anh có chứng kiến việc các bên làm hợp đồng, nội dung là ông H thừa nhận có nhận tiền 300.000.000 đồng từ bà B là số tiền của ông C góp vốn. Sau đó, anh có chở ông C đi công chứng hợp đồng nhưng cơ quan công chứng không làm việc nên không công chứng được, ông C giữ hợp đồng và nay cho rằng thất lạc. Hợp đồng này nhằm hủy bỏ 02 bản cam kết trước đây gia đình anh ký với ông C nhưng khi không còn liên lạc được với ông H thì ông C lại đưa ra các cam kết cũ để kiện cha mẹ anh trong khi cha mẹ anh không hưởng lợi gì từ số tiền gốp vốn của ông C. Qua yêu cầu của ông C anh không đồng ý.

** Đối với ông Bùi Quốc H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng đến ông H hợp lệ nhưng ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông C và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông O và bà B cùng có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền vốn 300.000.000 đồng và số tiền lãi 10%/năm/300.000.000 đồng tính từ ngày 25/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 147.500.000 đồng.

Anh Th và anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm trình bày.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, Điều 357, Điều 166, Điều 468, Điều 504, Điều 507 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Buộc ông O, bà B trả cho ông C số tiền vốn 300.000.000 đồng và số tiền lãi là 10%/năm/300.000.000 đồng tính từ ngày 25/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông O và bà B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tạ Ngọc B và ông Ngô Văn O là bị đơn, ông Bùi Quốc H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông O, bà B và ông H là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Hồ Văn C yêu cầu bà Tạ Ngọc B và ông Ngô Văn O trả cho ông số tiền là 447.500.000 đồng. Trong đó, số tiền vốn góp là 300.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 25/8/2017al đến ngày xét xử sơ thẩm là 147.500.000 đồng. Tuy ông C và bà B đều xác định là khoản tiền ông C góp vốn, bản cam kết cũng thể hiện là nhận tiền huy động vốn, nhưng lại quy định mức lãi cụ thể phải trả trên số vốn 300.000.000 đồng chứ không thỏa thuận hưởng hoa lợi, lợi tức từ số vốn góp nên bản chất là ông C cho vay hưởng lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông C có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông O và bà B trả số tiền lãi 10%/năm/300.000.000 đồng tính từ ngày 25/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng số tiền 147.500.000 đồng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện ông C yêu cầu trả lãi từ ngày 13/4/2017 đến ngày 13/8/2019 với số tiền 133.336.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông C không có yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với phần lãi suất nêu trên. Do đó, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được xem xét chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Bà Tạ Ngọc B,

ông Ngô Văn O và anh Ngô Chí L có ký tên vào 02 bản cam kết nhận tiền huy động vốn ngày 15/4/2017 và ngày 30/4/2017, nội dung thể hiện có nhận từ ông Hồ Văn C tổng số tiền 300.000.000 đồng, cam kết trả lãi hàng tháng là 15%/tháng/150.000.000 đồng. Các đương sự đều xác định bà B là người nhận tiền, còn anh L và ông O chỉ ký làm tin chứ không tham gia giao dịch này. Đây là những tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.1] Theo ông C và bà B trình bày tại Biên bản đối chất ngày 27/4/2022 giữa ông C với bà B thì ông C và bà B đều cho rằng số tiền ban đầu ông C chuyển cho bà B là 30.000.000 đồng, ông C đã nhận lãi từ số tiền này là 4.000.000 đồng, do ông H chuyển (Bút lục số 95). Sau khi góp số tiền lên đến 300.000.000 đồng thì số tiền lãi ông C nhận được từ ông H khoảng 45.000.000 đồng – 50.000.000 đồng, có khi ông H trực tiếp chuyển, có khi ông H nhờ anh L và bà B chuyển dùm (Bút lục số 96). Lời trình bày của ông C, bà B và anh L phù hợp với nhau nên có cơ sở xác định số tiền bà B có nhận từ ông C 300.000.000 đồng là khoản tiền ông C thống nhất giao cho ông H và hưởng lãi từ ông H, bà B mặc dù trực tiếp nhận tiền nhưng sau đó đã chuyển lại cho ông H và không hưởng lợi nhuận gì từ số tiền của ông C.

[4.2] Cũng theo lời trình bày của ông C tại Biên bản đối chất ngày 27/4/2022, khi ông C góp vốn cùng ông H thì có đi cùng ông H đến trực tiếp đến nhà vườn, do ông H kiểm tra cây trồng và tư vấn sử dụng phân, thuốc. Khi ký được hợp đồng thì ông H xuất bán, nhà vườn thanh toán cho ông H. Khi việc kinh doanh không hiệu quả *"ông C muốn rút vốn nhưng liên hệ nhiều lần với ông H nhưng ông H né tránh mãi đến ngày 30/12/2017 ông mới gặp được ông H tại nhà trọ bà B tại Sài Gòn"* (lời trình bày của ông C tại biên bản làm việc ngày 30/12/2021 bút lục số 52 và biên bản đối chất ngày 27/4/2022 bút lục số 95). Nếu ông C cho rằng bà B nhận tiền từ ông, ông chỉ làm ăn với bà B, bà B phải có trách nhiệm với số tiền nhận từ ông thì việc ông muốn thu hồi lại vốn ông chỉ cần liên hệ với bà B chứ không phải liên hệ với ông H.

[4.3] Mặt khác, khi bà B và ông C gặp được ông H vào ngày 30/12/2017 thì ông C, bà B và anh L đều xác định là có làm lại hợp đồng, nội dung thể hiện ông H có nhận từ bà B số tiền 300.000.000 đồng, là số tiền góp vốn của ông C. Hợp đồng này ông C giữ và đã thất lạc (lời trình bày của ông C tại biên bản làm việc ngày 30/12/2021 bút lục số 52 và biên bản đối chất ngày 27/4/2022 bút lục số 96). Điều này cho thấy dù hợp đồng ngày 30/12/2017 không còn nhưng các đương sự trình bày phù hợp với nhau, như vậy mục đích của hợp đồng ngày 30/12/2017 là ràng buộc trách nhiệm của ông H đối với ông C nên ông C mới cất giữ hợp đồng trên.

Việc ông C thay đổi lời trình bày, có khi trình bày hợp đồng ngày 30/12/2017 do bà B giữ, có khi trình bày do ông cất giữ nhưng mục đích để làm chứng cho bà B sau này; tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C có lúc trình bày không có buổi gặp gỡ giữa ông C, bà B và ông H ngày 30/12/2017, có lúc trình bày ông C có cất giữ hợp đồng ngày 30/12/2017 là để làm chứng cho bà

B. Xét việc thay đổi lời trình bày của ông C và anh Th là có sự mâu thuẫn trong chính lời trình bày của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ các phân tích nêu trên có cơ sở kết luận thông qua bà B ông C thống nhất gửi cho ông H số tiền 300.000.000 đồng, hưởng lãi suất từ ông H. Bà B thực tế có nhận từ ông C 300.000.000 đồng nhưng đã chuyển giao cho ông H, ông C cũng biết việc này nhưng không phản đối và đồng ý nhận lãi từ ông H. Khi ông H vi phạm thỏa thuận trả lãi thì ông C dựa vào các bản cam kết để yêu cầu ông O và bà B trả vốn lãi cho ông là không có căn cứ. Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn C phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu. Ông C có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được xem xét miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm a khỏa 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 của bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C về việc yêu cầu bà Tạ Ngọc B và ông Ngô Văn O trả cho ông số tiền 447.500.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn C được miễn toàn bộ (ông C có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Mai